

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân Quyết định)**(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | NỘI DUNG | Dự toán |
|------------|--|-------------------|
| A | TỔNG NGUỒN THU NSDP | 18.771.630 |
| I | Thu NSDP được hưởng theo phân cấp | 2.173.469 |
| 1 | Thu NSDP hưởng 100% | 1.208.869 |
| 2 | Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia | 934.600 |
| 3 | Thu viện trợ, huy động, đóng góp | 30.000 |
| II | Thu bổ sung từ NSTW | 16.510.861 |
| 1 | Bổ sung cân đối ngân sách | 10.109.650 |
| 2 | Bổ sung cải cách tiền lương | 1.092.142 |
| 3 | Bổ sung có mục tiêu | 5.309.069 |
| III | Thu từ nguồn vay của NSDP (vay lại Chính phủ thực hiện dự án ODA) | 87.300 |
| IV | Thu kết dư | |
| V | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | |
| VI | Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên | |
| B | TỔNG CHI NSDP | 18.755.817 |
| I | Tổng chi cân đối ngân sách | 13.416.748 |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 1.952.901 |
| 2 | Chi thường xuyên | 11.153.776 |
| 3 | Trả nợ lãi các khoản do địa phương vay | 6.600 |
| 4 | Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính | 1.200 |
| 5 | Dự phòng ngân sách | 273.096 |
| 6 | Tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương | 29.176 |
| II | Chi các chương trình mục tiêu | 5.309.069 |
| 1 | Vốn 03 Chương trình mục tiêu quốc gia | 3.106.174 |
| 2 | Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ | 799.225 |
| 3 | Vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ | 1.403.670 |
| III | Chi viện trợ, huy động, đóng góp | 30.000 |
| C | BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG | 15.813 |
| D | CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP | 15.813 |
| 1 | Từ nguồn vay để trả nợ gốc | |
| 2 | Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi | 15.813 |
| | - Từ nguồn chi ĐT XD CB | 9.439 |
| | - Tiết kiệm chi thường xuyên | 6.374 |
| E | TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP | 87.300 |
| 1 | Vay để bù đắp bội chi (vay lại Chính phủ thực hiện dự án ODA) | 87.300 |
| 2 | Vay để trả nợ gốc | |